

Số: 97/NQ-HĐND

Còn Tiên, ngày 26 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CÒN TIÊN
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự án chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên các địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao chi tiết dự toán năm 2026 cho các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

Theo đề nghị của UBND xã Còn Tiên tại Tờ trình số 1468/TTr-UBND ngày 18/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Theo Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân xã Còn Tiên và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương.

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 24.544 triệu đồng, trong đó Thu nội địa: 24.544 triệu đồng (địa phương hưởng 18.537 triệu đồng);
2. Tổng thu ngân sách địa phương: 183.120 triệu đồng, trong đó:
 - Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 18.537 triệu đồng;
 - Bổ sung từ ngân sách cấp trên: 164.575 triệu đồng;

- Thu chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách năm trước chuyển sang: 8 triệu đồng;

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 183.120 triệu đồng.

- Chi xây dựng cơ bản: 11.931 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 139.397 triệu đồng.

- Chi dự phòng: 3.088 triệu đồng.

- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 28.704 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Cồn Tiên khóa I, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Quảng Trị (b/c);
- UBND tỉnh Quảng Trị (b/c);
- Sở Tài chính Quảng Trị (b/c);
- BTV Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các DB HĐND xã;
- Các đơn vị dự toán thuộc xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Ty



Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Côn Tiên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	142.292	202.480	183.120	(19.360)	90,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	984	1.229	18.537	17.308	1.508,3
-	Thu NSDP hưởng 100%	276	482	3.460	2.978	717,8
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	708	747	15.077	14.330	2.018,3
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	140.057	200.000	164.575	(35.425)	82,3
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	120.486	120.486	135.871	15.385	112,8
2	Thu bổ sung có mục tiêu	19.571	79.514	28.704	(50.810)	36,1
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư	2	2		(2)	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.248	1.248	8	(1.240)	
VI	Thu từ NS cấp dưới nộp lên				-	
B	TỔNG CHI NSDP	142.292	201.800,0	183.120	40.828	128,7
I	Tổng chi cân đối NSDP	125.007	197.000,0	154.416	29.409	123,5
1	Chi đầu tư phát triển (1)		17.000,0	11.931	11.931	
2	Chi thường xuyên	122.730	180.000,0	139.397	16.667	113,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				-	
5	Dự phòng ngân sách	2.277	-	3.088	811	135,6
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	17.285	-	28.704	11.419	166,1
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.222	-		(6.222)	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	11.063	-	28.704	17.641	259,5
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		4.500,0		-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		300,0		-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)				-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)				-	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				-	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)				-	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Cồn Tiên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	9.549	1.229	24.544	18.537	257	1.508
I	Thu nội địa	9.549	1.229	24.544	18.537	257	1.508
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	7					
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	6					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	2.796	247	5.529	5.529	198	2.238
5	Thuế thu nhập cá nhân	750	400	510	510	68	128
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	3.000	100	3.000	3.000	100	3.000
8	Thu phí, lệ phí	195	25	150	150	77	600
9	Lệ phí môn bài	55	40			-	-
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7	7	5	5	71	71
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	920		45	38	5	
13	Thu tiền sử dụng đất	1.373		15.000	9.000	1.092	
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng						
16	Thu khác ngân sách	250	220	235	235	94	107
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	190	190	70	70	37	37
18	Thu huy động đóng góp						
19	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Côn Tiên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	141.041,0	183.120,0	42.079,0	129,8
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	123.756,0	154.416,0	30.660,0	253,4
I	Chi đầu tư phát triển (1)	-	11.931,0	11.931,0	
1	Chi đầu tư cho các dự án		11.931,0	11.931,0	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		597,0	597,0	
-	Chi khoa học và công nghệ		418,0	418,0	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		9.000,0	9.000,0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	118.366,0	139.397,0	21.031,0	117,8
	Trong đó:			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	83.389,0	90.285,0	6.896,0	108,3
2	Chi khoa học và công nghệ (2)		475,0	475,0	
III	Dự phòng ngân sách	2.277,0	3.088,0	811,0	135,6
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.113,0		(3.113,0)	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	17.285,0	28.704,0	11.419,0	166,1
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.221,8		(6.221,8)	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	11.063,2	28.704,0	17.640,8	259,5
1	Hỗ trợ kinh phí phục vụ vận hành hệ thống TABMIS; Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính - ngân sách, chuyển đổi	82,5		(82,5)	
2	Hỗ trợ nhân viên khuyến nông theo Nghị quyết số 62/2024/NQ-HĐND ngày 11/07/2024 của HĐND tỉnh	193,7		(193,7)	
3	Hỗ trợ Tổ Bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 38/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của HĐND tỉnh	1.216,5		(1.216,5)	
4	Kinh phí tiền lương và chi khác hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	354,5		(354,5)	
5	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	360,7		(360,7)	
6	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội ngân sách trung ương hỗ trợ	8.365,4	20.958,0	12.592,6	250,5
7	Chính sách địa phương ban hành		7.746,0	7.746,0	
8	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng do không cân đối đủ nguồn	489,9		(489,9)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		-	



Biểu mẫu số 34

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Con Tiên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DVT: Triệu đồng
A	B	Dự toán
	TỔNG CHI NSDP	1
I	Chi đầu tư phát triển	183.120,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.931,0
-	Chi quốc phòng	11.931,0
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	168.101,0
-	Chi quốc phòng	2.239,0
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.395,0
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	91.891,0
-	Chi khoa học công nghệ	475,0
-	Chi y tế, dân số và gia đình	10.865,0
-	Chi văn hóa thông tin	205,0
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	130,0
-	Chi thể dục thể thao	115,0
-	Chi bảo vệ môi trường	855,0
-	Chi các hoạt động kinh tế	6.005,5
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26.957,5
-	Chi bảo đảm xã hội	24.941,0
-	Chi thường xuyên khác	1.027,0
III	Dự phòng ngân sách	3.088,0
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	

DỰ TOÁN CHI THUỒNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Cồn Tiên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi quản lý hành chính	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	168.101,0	2.239,0	2.395,0	91.891,0	475,0	10.865,0	205,0	130,0	115,0	855,0	6.005,5	26.957,5	24.941,0	1.027,0
1	Công an xã Cồn Tiên	206,0		206,0											
2	Văn phòng Đảng ủy	7.040,4				140,0						30,0	6.669,4		201,0
3	UBND TQVN xã	5.599,4											5.509,4		90,0
4	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.730,4						175,0	117,0	94,0	569,0	1.775,4			
5	Văn phòng HĐND&UBND	12.416,5	2.217,0	2.167,0								30,0	7.816,5		186,0
6	Phòng Kinh tế	8.670,1					4.450,0				200,0	1.290,0	2.427,1	303,0	
7	Phòng Văn hóa - Xã hội	34.133,9			200,0	288,0	6.317,0	10,0		10,0			2.303,9	24.615,0	390,0
8	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.961,5											1.961,5		
9	Trường Mầm non Gio An	4.578,7			4.578,7										
10	Trường Mầm non Gio Sơn	5.496,2			5.496,2										
11	Trường Mầm non Linh Hải	2.467,0			2.467,0										
12	Trường Mầm non Hải Thái	6.025,3			6.025,3										
13	Trường Mầm non Linh Trường số 1	6.746,3			6.746,3										
14	Trường Mầm non Linh Trường số 2	4.885,9			4.885,9										
15	Trường TH Gio Sơn	7.772,0			7.772,0										
16	Trường TH Hải Thái	9.407,3			9.407,3										
17	Trường TH Linh Hải	4.954,1			4.954,1										
18	Trường TH Linh Trường	15.986,4			15.986,4										
19	Trường THCS Gio Sơn	7.049,9			7.049,9										
20	Trường TH và THCS Gio An	10.382,3			10.382,3										
21	UBND xã điều hành	9.591,4	22,0	22,0	5.939,6	47,0	98,0	20,0	13,0	11,0	86,0	2.880,1	269,7	23,0	160,0